

**ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 3**  
**MÔN: TIẾNG ANH 9 ENGLISH DISCOVERY**  
**BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM**

**HƯỚNG DẪN GIẢI**

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. A	6. A	11. A	16. C	21. A	26. B	31. B	36. A
2. B	7. D	12. B	17. B	22. B	27. B	32. B	37. A
3. A	8. D	13. A	18. C	23. A	28. A	33. A	38. B
4. B	9. D	14. D	19. A	24. A	29. B	34. C	39. A
5. D	10. D	15. B	20. D	25. A	30. B	35. C	40. A

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Bài nghe 1**

**1.**

**A:** Excuse me, is there a pharmacy near here?

**B:** Yes, there's one just down the street on the left-hand side. You can't miss it.

**A:** Thank you.

**2.**

**A:** Excuse me, could you show me how to get to the nearest SIM card shop?

**B:** Of course, the SIM card shop is a few blocks away. Go straight ahead and then take a right at the second intersection. Go straight one block. It will be on your left.

**A:** Great. Thank you.

You're welcome.

**3.**

**A:** Excuse me, could you tell me where the embassy is?

**B:** Certainly. The embassy is across from the main square. You can take the bus or walk there. It's a big building, so you'll see it easily.

**A:** Thank you so much.

**4.**

**A:** Excuse me, could you tell me the way to the art gallery, please?

**B:** Of course. The art galleries on the other side of town. Take a left at the traffic lights and then go straight ahead. It will be on your right, near the park.

**A:** Thanks a lot.

**B:** Never mind.

**Tạm dịch**

**1.**

A: Xin lỗi, có hiệu thuốc nào gần đây không?

B: Vâng, có một cái ở ngay cuối phố, phía bên trái. Bạn không thể bỏ qua nó.

A: Cảm ơn bạn.

2.

A: Xin lỗi, bạn có thể chỉ cho tôi cách đến cửa hàng bán thẻ SIM gần nhất không?

B: Tất nhiên, cửa hàng bán thẻ SIM cách đó vài dãy nhà. Đi thẳng về phía trước rồi rẽ phải ở ngã tư thứ hai. Đi thẳng qua một tòa nhà. Nó sẽ ở bên trái của bạn.

A: Tuyệt vời. Cảm ơn.

B: Không có gì.

3.

A: Xin lỗi, bạn có thể cho tôi biết đại sứ quán ở đâu không?

B: Chắc chắn rồi. Đại sứ quán nằm đối diện với quảng trường chính. Bạn có thể đi xe buýt hoặc đi bộ đến đó. Đó là một tòa nhà lớn nên bạn sẽ dễ dàng nhìn thấy nó.

A: Cảm ơn bạn rất nhiều.

4.

A: Xin lỗi, bạn có thể chỉ cho tôi đường đến phòng trưng bày nghệ thuật được không?

B: Tất nhiên. Các phòng trưng bày nghệ thuật ở phía bên kia của thị trấn. Rẽ trái ở đèn giao thông rồi đi thẳng về phía trước. Nó sẽ ở bên phải của bạn, gần công viên.

A: Cảm ơn rất nhiều.

B: Không có gì đâu.

### **Phương pháp chung:**

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe đoạn hội thoại và chú ý những đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài nghe với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa để chọn đáp thích hợp nhất.

### **1. A**

The pharmacy is on the left side of the street.

(Hiệu thuốc nằm ở bên trái đường.)

**Thông tin:** there's one just down the street on the left-hand side

(Có một cái ở ngay cuối đường bên trái)

Chọn A

### **2. B**

The SIM card shop is located at the second intersection.

(Cửa hàng bán SIM nằm ở ngã tư thứ hai.)

**Thông tin:** Go straight ahead and then take a right at the second intersection. Go straight one block

(Đi thẳng về phía trước rồi rẽ phải ở ngã tư thứ hai. Đi thẳng qua một tòa nhà)

Chọn B

### 3. A

The embassy is a building opposite the main square.

(Đại sứ quán là một tòa nhà đối diện với quảng trường chính.)

**Thông tin:** The embassy is across from the main square.

(Đại sứ quán nằm đối diện quảng trường chính.)

Chọn A

### 4. B

The art gallery is next to the traffic lights.

(Phòng trưng bày nghệ thuật nằm cạnh đèn giao thông.)

**Thông tin:** The art galleries on the other side of town. Take a left at the traffic lights and then go straight ahead. It will be on your right,

(Các phòng trưng bày nghệ thuật ở phía bên kia của thị trấn. rẽ trái ở đèn giao thông rồi đi thẳng về phía trước. Nó sẽ ở bên phải của bạn,)

Chọn B

### Bài nghe 2

**Interviewer:** Hello Katie. Can you share with us about your journey in learning English?

**Katie:** Absolutely. I started learning English in secondary school. It was an exciting time for me. I had many interesting books, and I also spent lots of time practicing the language. However, I later found the language too difficult to learn and gave up.

**Interviewer:** When did you decide to continue learning English?

**Katie:** After university, I realized that learning English would be beneficial. I looked for fun and efficient ways to learn. I even plan to travel abroad to improve my English.

**Interviewer:** Could you share more about how you learned English at that time.

**Katie:** Well, I couldn't make time to attend regular face to face English classes. My teacher suggested I read English books and write blogs in English, but I didn't because I didn't find them useful. I also took online English classes which I found to be flexible and exciting.

**Interviewer:** And now which English skills do you want to improve?

**Katie:** I feel confident in my listening, speaking and reading skills. However, my writing skills are not very good, so I plan to focus more on that.

**Interviewer:** I see. What benefits will English bring to your future?

**Katie:** English is widely used in many fields like business, science and technology. As I would like to work in education, I believe that knowing English will provide more job opportunities and improve my effectiveness in the field.

**Interviewer:** Thank you for sharing your thoughts with us today.

### Tam dịch

Người phỏng vấn: Xin chào Katie. Bạn có thể chia sẻ với chúng tôi về hành trình học tiếng Anh của bạn được không?

Katie: Chắc chắn rồi. Tôi bắt đầu học tiếng Anh ở trường trung học. Đó là một thời gian thú vị đối với tôi. Tôi có nhiều cuốn sách thú vị và tôi cũng dành nhiều thời gian để luyện tập ngôn ngữ. Tuy nhiên, sau đó tôi nhận thấy ngôn ngữ này quá khó học và đã bỏ cuộc.

Người phỏng vấn: Khi nào bạn quyết định tiếp tục học tiếng Anh?

Katie: Sau đại học, tôi nhận ra rằng học tiếng Anh sẽ có ích. Tôi tìm kiếm những cách học thú vị và hiệu quả. Tôi thậm chí còn có kế hoạch đi du lịch nước ngoài để cải thiện tiếng Anh của mình.

Người phỏng vấn: Bạn có thể chia sẻ thêm về việc bạn học tiếng Anh lúc đó như thế nào không?

Katie: Chà, tôi không thể dành thời gian để tham gia các lớp học tiếng Anh trực tiếp thường xuyên. Giáo viên khuyên tôi nên đọc sách tiếng Anh và viết blog bằng tiếng Anh nhưng tôi không làm vì tôi thấy chúng không hữu ích. Tôi cũng tham gia các lớp học tiếng Anh trực tuyến mà tôi thấy rất linh hoạt và thú vị.

Người phỏng vấn: Và bây giờ bạn muốn cải thiện kỹ năng tiếng Anh nào?

Katie: Tôi cảm thấy tự tin vào kỹ năng nghe, nói và đọc của mình. Tuy nhiên, kỹ năng viết của tôi không tốt lắm nên tôi dự định sẽ tập trung hơn vào lĩnh vực đó.

Người phỏng vấn: Tôi hiểu rồi. Tiếng Anh sẽ mang lại lợi ích gì cho tương lai của bạn?

Katie: Tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như kinh doanh, khoa học và công nghệ. Vì tôi muốn làm việc trong lĩnh vực giáo dục nên tôi tin rằng việc biết tiếng Anh sẽ mang lại nhiều cơ hội việc làm hơn và nâng cao hiệu quả của tôi trong lĩnh vực này.

Người phỏng vấn: Cảm ơn bạn đã chia sẻ suy nghĩ của bạn với chúng tôi ngày hôm nay.

### **Phương pháp chung:**

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe đoạn hội thoại và chú ý những đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài nghe với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa để chọn đáp thích hợp nhất.

### **5. D**

What was Katy's problem in learning English in secondary school?

(Vấn đề của Katy khi học tiếng Anh ở trường trung học là gì?)

A. She had no interest in learning English.

(Cô ấy không có hứng thú học tiếng Anh.)

B. She didn't have English books.

(Cô ấy không có sách tiếng Anh.)

C. She had little time to learn English.

(Cô ấy có ít thời gian để học tiếng Anh.)

D. She found English difficult to learn.

(Cô ấy thấy tiếng Anh khó học.)

**Thông tin:** I had many interesting books, and I also spent lots of time practicing the language. However, I later found the language too difficult to learn and gave up.

(Tôi có rất nhiều cuốn sách thú vị và tôi cũng dành nhiều thời gian để luyện tập ngôn ngữ. Tuy nhiên, sau đó tôi nhận thấy ngôn ngữ này quá khó học và đã bỏ cuộc.)

Chọn D

### 6. A

**Why did Katy continue learning English after university?**

(Tại sao Katy tiếp tục học tiếng Anh sau đại học?)

A. Because she realised its benefits.

(Bởi vì cô ấy nhận ra lợi ích của nó.)

B. Because she became interested in it.

(Bởi vì cô ấy bắt đầu quan tâm đến nó.)

C. Because she had more time for it.

(Bởi vì cô ấy có nhiều thời gian hơn cho việc đó.)

D. Because she wanted to live abroad.

(Bởi vì cô ấy muốn sống ở nước ngoài.)

**Thông tin:** After university, I realized that learning English would be beneficial.

(Sau đại học, tôi nhận ra rằng học tiếng Anh sẽ có ích.)

Chọn A

### 7. D

**How did Katy learn English after university?**

(Katy đã học tiếng Anh như thế nào sau đại học?)

A. attended face-to-face English classes => sai

(đã tham gia lớp học tiếng Anh trực tiếp)

**Thông tin:** I couldn't make time to attend regular face to face English classes.

(Tôi không thể sắp xếp thời gian để tham gia các lớp học tiếng Anh trực tiếp thường xuyên.)

B. wrote blogs in English => sai

(viết blog bằng tiếng anh)

**Thông tin:** My teacher suggested I read English books and write blogs in English, but I didn't

(Giáo viên của tôi khuyên tôi nên đọc sách tiếng Anh và viết blog bằng tiếng Anh, nhưng tôi đã không làm vậy)

C. read English books => sai

(đọc sách tiếng Anh)

**Thông tin:** My teacher suggested I read English books and write blogs in English, but I didn't

(Giáo viên của tôi khuyên tôi nên đọc sách tiếng Anh và viết blog bằng tiếng Anh, nhưng tôi đã không làm vậy)

D. took online English classes

(tham gia các lớp học tiếng Anh trực tuyến)

**Thông tin:** I also took online English classes which I found to be flexible and exciting.

(Tôi cũng tham gia các lớp học tiếng Anh trực tuyến mà tôi thấy rất linh hoạt và thú vị.)

Chọn D

### 8. D

Which English skills does Katy want to improve?

(Katy muốn cải thiện kỹ năng tiếng Anh nào?)

A. speaking

(nói)

B. listening

(nghe)

C. reading

(đọc)

D. writing

(viết)

**Thông tin:** I feel confident in my listening, speaking and reading skills. However, my writing skills are not very good, so I plan to focus more on that.

(Tôi cảm thấy tự tin vào kỹ năng nghe, nói và đọc của mình. Tuy nhiên, kỹ năng viết của tôi không tốt lắm nên tôi dự định sẽ tập trung hơn vào nó.)

Chọn D

### 9. D

**Phương pháp:**

- Dựa vào động từ “come” và nghĩa của các cụm động từ để chọn đáp án đúng

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**It's common to come \_\_\_\_\_ unfamiliar words when you read English books.**

(Việc \_\_\_\_\_ những từ không quen thuộc khi bạn đọc sách tiếng Anh là điều bình thường.)

**Lời giải chi tiết:**

A. come over (phr.v): ghé qua

B. come up (phr.v): nảy sinh

C. come down (phr.v): rơi xuống

D. come across (phr.v): tình cờ gặp

Câu hoàn chỉnh: It's common to come **across** unfamiliar words when you read English books.

(Việc tình cờ gặp những từ không quen thuộc khi bạn đọc sách tiếng Anh là điều bình thường.)

Chọn D

**10. D****Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**In our country, we speak Vietnamese, our native language, and learn English as a \_\_\_\_\_ language.**

*(Ở đất nước chúng tôi, chúng tôi nói tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ của chúng tôi và học tiếng Anh như một ngôn ngữ \_\_\_\_\_.)*

**Lời giải chi tiết:**

- A. local (adj): địa phương
- B. common (adj): phổ biến
- C. formal (adj): trang trọng
- D. foreign (adj): nước ngoài

Câu hoàn chỉnh: In our country, we speak Vietnamese, our native language, and learn English as a **foreign** language.

*(Câu hoàn chỉnh: Ở nước ta, chúng ta nói tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ và học tiếng Anh như ngoại ngữ.)*

Chọn D

**11. A****Phương pháp:**

- Dựa vào động từ “asked” và cấu trúc câu tường thuật dạng Wh- để chọn dạng động từ đúng.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**I asked my friend what time the bakery \_\_\_\_\_ that day.**

*(Tôi hỏi bạn tôi hôm đó tiệm bánh \_\_\_\_\_ lúc mấy giờ.)*

**Lời giải chi tiết:**

Cấu trúc câu tường thuật dạng câu hỏi Wh- với động từ tường thuật “asked”: S + asked + O + Wh- + S + V (lùi thì).

Câu hoàn chỉnh: I asked my friend what time the bakery **closed** that day.

*(Tôi hỏi bạn tôi hôm đó tiệm bánh đóng cửa lúc mấy giờ.)*

Chọn A

**12. B****Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**It's important to inform the driver of your \_\_\_\_\_ when getting into the taxi.**

(Điều quan trọng là phải thông báo cho người lái xe về \_\_\_\_\_ của bạn khi lên xe taxi.)

**Lời giải chi tiết:**

- A. decision (n): quyết định
- B. destination (n): điểm đến
- C. cruise (n): chuyến du lịch bằng tàu
- D. holiday (n): kỳ nghỉ

Câu hoàn chỉnh: It's important to inform the driver of your **destination** when getting into the taxi.

(Điều quan trọng là phải thông báo cho người lái xe về điểm đến của bạn khi lên xe taxi.)

Chọn B

**13. A**

**Phương pháp:**

- Dựa vào danh từ chỉ nơi chốn "a land", mệnh đề S + V "ancient traditions meet" và cách dùng của các đại từ quan hệ để chọn đáp án đúng.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Immerse yourself in Japan, a land \_\_\_\_\_ ancient traditions meet modern marvels.**

(Đắm chìm trong Nhật Bản, một vùng đất \_\_\_\_\_ truyền thống cổ xưa kết hợp với những điều kỳ diệu hiện đại.)

**Lời giải chi tiết:**

- A. where: *nơi mà* => thay thế cho nơi chốn
- B. what: *cái gì* => không hợp lý về nghĩa => loại
- C. when: *khi mà* => thay thế cho thời gian => loại
- D. how: *như thế nào* => không hợp lý về nghĩa => loại

Câu hoàn chỉnh: Immerse yourself in Japan, a land **where** ancient traditions meet modern marvels.

(Đắm mình vào Nhật Bản, vùng đất nơi truyền thống cổ xưa kết hợp với những điều kỳ diệu hiện đại.)

Chọn A

**14. D**

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.



Wander through Kyoto's serene bamboo groves and majestic temples, or marvel at the futuristic \_\_\_\_\_ of Tokyo.

(Đi lang thang qua những khu rừng tre thanh bình và những ngôi đền hùng vĩ của Kyoto, hoặc ngạc nhiên trước \_\_\_\_\_ tương lai của Tokyo.)

**Lời giải chi tiết:**

- A. train station (n): trạm xe lửa
- B. bus stop (n): trạm xe buýt
- C. railway (n): đường ray
- D. skyline (n): đường chân trời

Câu hoàn chỉnh: Wander through Kyoto's serene bamboo groves and majestic temples, or marvel at the futuristic **skyline** of Tokyo.

(Đi lang thang qua những khu rừng tre thanh bình và những ngôi đền hùng vĩ của Kyoto, hoặc chiêm ngưỡng đường chân trời tương lai của Tokyo.)

Chọn D

**15. B**

**Phương pháp:**

- Dựa vào mạo từ "the" và danh từ "peak" để chọn từ loại phù hợp.
- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Explore snowy Hokkaido, tropical Okinawa, or the \_\_\_\_\_ peak of Mount Fuji.

(Khám phá Hokkaido đầy tuyết, Okinawa nhiệt đới hoặc đỉnh núi \_\_\_\_\_ của Núi Phú Sĩ.)

**Lời giải chi tiết:**

- A. icon (n): biểu tượng
- B. iconic (adj): mang tính biểu tượng
- C. iconify (v): biểu tượng hóa
- D. iconology (n): biểu tượng học

Đứng trước danh từ "peak of Mount Fuji" (đỉnh núi Phú Sĩ) cần một tính từ.

Câu hoàn chỉnh: Explore snowy Hokkaido, tropical Okinawa, or the **iconic** peak of Mount Fuji.

(Khám phá Hokkaido đầy tuyết, Okinawa nhiệt đới hay đỉnh núi Phú Sĩ mang tính biểu tượng.)

Chọn B

**16. C**

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

\_\_\_\_\_ rich culture, breathtaking landscapes, and warm hospitality, Japan offers an unforgettable adventure.

(\_\_\_\_\_ nền văn hóa phong phú, phong cảnh ngoạn mục và lòng hiếu khách nồng hậu, Nhật Bản mang đến một cuộc phiêu lưu khó quên.)

**Lời giải chi tiết:**

A. By: với, bằng cách

B. On: trên

C. With: với

D. Under: dưới

Câu hoàn chỉnh: **With** rich culture, breathtaking landscapes, and warm hospitality, Japan offers an unforgettable adventure.

(**Với** nền văn hóa phong phú, phong cảnh ngoạn mục và lòng hiếu khách nồng hậu, Nhật Bản mang đến một chuyến phiêu lưu khó quên.)

Chọn C

### **Bài hoàn chỉnh**

Experience the Timeless Beauty of Japan!

Immerse yourself in Japan, a land (13) **where** ancient traditions meet modern marvels. Wander through Kyoto's serene bamboo groves and majestic temples, or marvel at the futuristic (14) **skyline** of Tokyo. Bask in the pink splendor of cherry blossoms or the fiery hues of autumn leaves. Savor world-class cuisine, from delicate sushi to sizzling street food. Explore snowy Hokkaido, tropical Okinawa, or the (15) **iconic** peak of Mount Fuji. (16) **With** rich culture, breathtaking landscapes, and warm hospitality, Japan offers an unforgettable adventure. Your journey of discovery begins here - embrace the wonder of Japan!

### **Tam dịch**

*Trải nghiệm vẻ đẹp vượt thời gian của Nhật Bản!*

*Đắm chìm trong Nhật Bản, một vùng đất (13) nơi truyền thống cổ xưa kết hợp những điều kỳ diệu hiện đại. Đi lang thang qua những khu rừng tre thanh bình và những ngôi đền hùng vĩ của Kyoto, hoặc ngạc nhiên trước (14) đường chân trời tương lai của Tokyo. Đắm mình trong sắc hồng rực rỡ của hoa anh đào hay sắc rực rỡ của lá mùa thu. Thưởng thức ẩm thực đẳng cấp thế giới, từ món sushi tinh tế đến những món ăn đường phố nóng hổi. Khám phá Hokkaido đầy tuyết, Okinawa nhiệt đới hoặc đỉnh núi (15) mang tính biểu tượng của Núi Phú Sĩ. (16) Với nền văn hóa phong phú, phong cảnh ngoạn mục và lòng hiếu khách nồng hậu, Nhật Bản mang đến một chuyến phiêu lưu khó quên. Hành trình khám phá của bạn bắt đầu từ đây - đón nhận sự kỳ diệu của Nhật Bản!*

**17. B**

**Phương pháp:**

- Dựa vào cấu trúc tobe + Adj “is thrilled” để chọn dạng động từ phù hợp.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**ABC English Centre is thrilled \_\_\_\_\_ its Annual English-Speaking Competition,**

*(Trung tâm Anh ngữ ABC rất vui mừng \_\_\_\_\_ Cuộc thi nói tiếng Anh hàng năm.)*

**Lời giải chi tiết:**

Theo sau tobe + Adj “is thrilled” cần một động từ ở dạng TO V<sub>o</sub> (nguyên thể).

Câu hoàn chỉnh: ABC English Centre is thrilled **to announce** its Annual English-Speaking Competition,

*(Trung tâm Anh ngữ ABC vui mừng thông báo Cuộc thi hùng biện tiếng Anh thường niên.)*

Chọn B

**18. C****Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dựa vào động từ “will be” để xác định được từ loại thích hợp và loại các đáp án sai.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

\_\_\_\_\_ **will be judged on fluency, creativity, and presentation.**

*(\_\_\_\_\_ sẽ được đánh giá dựa trên sự trôi chảy, sáng tạo và trình bày.)*

**Lời giải chi tiết:**

- A. Participates (v): tham gia
- B. Participation (n): sự tham gia
- C. Participants (n): người tham gia
- D. Participating (v-ing): việc tham gia

Trước động từ “will” cần một danh từ.

Câu hoàn chỉnh: **Participants** will be judged on fluency, creativity, and presentation.

*(Những người tham gia sẽ được đánh giá dựa trên sự trôi chảy, sáng tạo và trình bày.)*

Chọn C

**19. A****Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Whether you're a seasoned speaker \_\_\_\_\_ just beginning, we encourage everyone to participate and learn.**

(Cho dù bạn là một diễn giả dày dạn kinh nghiệm \_\_\_\_\_ mới bắt đầu, chúng tôi khuyến khích mọi người tham gia và học hỏi.)

**Lời giải chi tiết:**

- A. or: hoặc
- B. and: và
- C. but: nhưng
- D. so: vì vậy

Câu hoàn chỉnh: Whether you're a seasoned speaker **or** just beginning, we encourage everyone to participate and learn.

(Cho dù bạn là một diễn giả dày dạn kinh nghiệm hay mới bắt đầu, chúng tôi luôn khuyến khích mọi người tham gia và học hỏi.)

Chọn A

**20. D**

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Don't miss this exciting \_\_\_\_\_!**

(Đừng bỏ lỡ \_\_\_\_\_ thú vị này!)

**Lời giải chi tiết:**

- A. luck (n): sự may mắn
- B. fortune (n): vận may
- C. occasion (n): dịp
- D. opportunity (n): cơ hội

Câu hoàn chỉnh: Don't miss this exciting **opportunity!**

(Đừng bỏ lỡ cơ hội thú vị này!)

Chọn D

**Bài hoàn chỉnh**

Join Our Annual English-Speaking Competition!

Attention all aspiring speakers! ABC English Centre is thrilled (17) **to announce** its Annual English-Speaking Competition, open to students eager to showcase their language skills and confidence.

📅 Date: January 18

📍 Venue: ABC English Centre

🗣️ Categories: Speeches, Debates, and Storytelling

This is your chance to shine, practice public speaking, and win exciting prizes! (18) **Participants** will be judged on fluency, creativity, and presentation. Whether you're a seasoned speaker (19) **or** just beginning, we encourage everyone to participate and learn.

Register by this Friday at [abcenglishcenter.com](http://abcenglishcenter.com). Don't miss this exciting (20) **opportunity!**

### Tam dịch

*Hãy tham gia Cuộc thi nói tiếng Anh hàng năm của chúng tôi!*

*Tất cả các diễn giả đầy khao khát hãy chú ý! Trung tâm Anh ngữ ABC rất vui mừng (17) thông báo về Cuộc thi Nói tiếng Anh thường niên, dành cho những sinh viên mong muốn thể hiện kỹ năng ngôn ngữ và sự tự tin của mình.*

*📅 Ngày: 18 tháng 1*

*📍 Địa điểm: Trung tâm Anh ngữ ABC*

*🗣️ Thể loại: Diễn văn, Tranh luận, Kể chuyện*

*Đây là cơ hội để bạn tỏa sáng, luyện nói trước công chúng và giành được những giải thưởng thú vị! (18) Người tham gia sẽ được đánh giá dựa trên sự trôi chảy, sáng tạo và trình bày. Cho dù bạn là một diễn giả dày dặn kinh nghiệm (19) hay mới bắt đầu, chúng tôi luôn khuyến khích mọi người tham gia và học hỏi. Đăng ký trước thứ Sáu tuần này tại [abcenglishcenter.com](http://abcenglishcenter.com). Đừng bỏ lỡ (20) cơ hội thú vị này!*

### 21. A

#### Phương pháp:

- Dựa vào động từ “suggest” và đối tượng “you” theo sau để chọn dạng động từ đúng.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**If you need a place to stay, I suggest you \_\_\_\_\_ out hostels.**

*(Nếu bạn cần một nơi để ở, tôi đề nghị bạn \_\_\_\_\_ của chúng tôi.)*

#### Lời giải chi tiết:

Cấu trúc “suggest” (đề nghị): S1 + suggest + S2 + Vo (nguyên thể).

Câu hoàn chỉnh: If you need a place to stay, I suggest you **check** out hostels.

*(Nếu bạn cần một nơi để ở, tôi khuyên bạn nên kiểm tra nhà nghỉ giá rẻ của chúng tôi.)*

Chọn A

### 22. B

#### Phương pháp:

- Dựa vào cách dùng mạo từ đi kèm với động từ “take” và danh từ “look” để chọn cụm động từ thích hợp

**As for food, I think you should take \_\_\_\_\_ look at some pleasant bed and breakfasts.**

*(Đối với thực phẩm, tôi nghĩ bạn nên \_\_\_\_\_ một số dịch vụ chỗ ở có giường ngủ và bữa sáng dễ chịu.)*

#### Lời giải chi tiết:

Cụm động từ “take a look”: xem xét

Câu hoàn chỉnh: As for food, I think you should take a look at some pleasant bed and breakfasts.

(Đối với thực phẩm, tôi nghĩ bạn nên xem xét một số dịch vụ chỗ ở có giường ngủ và bữa sáng để chịu.)

Chọn B

23. A

**Phương pháp:**

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**They not only serve delicious meals, but they also \_\_\_\_\_ a chance to experience the friendliness of the locals.**

(Họ không chỉ phục vụ những bữa ăn ngon mà còn họ còn \_\_\_\_\_ cơ hội trải nghiệm sự thân thiện của người dân địa phương.)

**Lời giải chi tiết:**

A. provide (v): cung cấp

B. give (v): cho

C. offer (v): đưa ra

D. support (v): ủng hộ

Câu hoàn chỉnh: They not only serve delicious meals, but they also **provide** a chance to experience the friendliness of the locals.

(Họ không chỉ phục vụ những bữa ăn ngon mà còn cung cấp cơ hội trải nghiệm sự thân thiện của người dân địa phương.)

Chọn A

24. A

**Phương pháp:**

- Dựa vào danh từ riêng chỉ người “Maori” và động từ “are” và cách dùng của các đại từ quan hệ để loại đáp án sai.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**There, you can learn about the culture of Maori, \_\_\_\_\_ are the native people of New Zealand.**

(Ở đó, bạn có thể tìm hiểu về văn hóa của người Maori, \_\_\_\_\_ là những người bản địa của New Zealand.)

**Lời giải chi tiết:**

A. who: người mà => thay thế cho danh từ chỉ người, làm chủ ngữ trước trong câu

B. which: cái mà => thay thế cho danh từ chỉ vật => loại

C. where: nơi mà => thay thế cho nơi chốn => loại

D. what: *cái gì* => không phù hợp về nghĩa => loại

Câu hoàn chỉnh: There, you can learn about the culture of Maori, **who** are the native people of New Zealand.

(Ở đó, bạn có thể tìm hiểu về văn hóa của người Maori, người mà là người bản địa ở New Zealand.)

Chọn A

## 25. A

### Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Remember to bring a \_\_\_\_\_ ; it's useful for keeping your important things close by during your trip.**

(Hãy nhớ mang theo \_\_\_\_\_; nó rất hữu ích để giữ những thứ quan trọng của bạn bên mình trong chuyến đi.)

### Lời giải chi tiết:

- A. fanny pack (n): túi đeo hông
- B. back pack (n): ba lô
- C. suitcase (n): va li
- D. luggage (n): hành lý

Câu hoàn chỉnh: Remember to bring a **fanny pack**; it's useful for keeping your important things close by during your trip.

(Hãy nhớ mang theo túi đeo hông; nó rất hữu ích để giữ những thứ quan trọng của bạn bên mình trong chuyến đi.)

Chọn A

## 26. B

### Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

**Also, don't forget to bring a socket adapter for the plugs because New Zealand uses different (26)**

\_\_\_\_\_.

(Ngoài ra, đừng quên mang theo bộ chuyển đổi ổ cắm cho phích cắm vì New Zealand sử dụng (26)

\_\_\_\_\_ khác nhau.)

### Lời giải chi tiết:

- A. kinds (n): nhiều thể loại
- B. types (n): nhiều loại

C. species (n): chủng loài

D. styles (n): phong cách

Câu hoàn chỉnh: Also, don't forget to bring a socket adapter for the plugs because New Zealand uses different **types**.

(Ngoài ra, đừng quên mang theo ổ cắm chuyển đổi cho phích cắm vì New Zealand sử dụng nhiều loại khác nhau.)

Chọn B

### **Bài hoàn chỉnh**

Hi Clara,

Here are some ideas I think you'll love for your three-day trip to New Zealand. If you need a place to stay, I suggest you (21) **check** out hostels. Their prices are reasonable, and they're a great place to meet other travelers.

As for food, I think you should take (22) **a** look at some pleasant bed and breakfasts. They not only serve delicious meals, but they also (23) **provide** a chance to experience the friendliness of the locals. Now, let's talk about New Zealand's exciting places to visit. Queenstown is a must-see place because of its beautiful mountains and thrilling things to do, like skiing and bungee jumping. Rotorua is another great place to visit. There, you can learn about the culture of Maori, (24) **who** are the native people of New Zealand. Remember to bring a (25) **fanny pack**; it's useful for keeping your important things close by during your trip. Also, don't forget to bring a socket adapter for the plugs because New Zealand uses different (26) **types**.

I hope that your trip to New Zealand will be full of memories you'll never forget!

Have a nice day,

Owen

### **Tạm dịch**

Chào Clara,

Dưới đây là một số ý tưởng mà tôi nghĩ bạn sẽ thích cho chuyến đi ba ngày tới New Zealand. Nếu bạn cần một nơi để ở, tôi gợi ý bạn (21) kiểm tra nhà nghỉ giá rẻ của chúng tôi. Giá cả hợp lý và là nơi tuyệt vời để gặp gỡ những du khách khác.

Đối với thực phẩm, tôi nghĩ bạn nên (22) xem xét một số nhà nghỉ chỉ phục vụ bữa sáng và giường ngủ để chịu. Họ không chỉ phục vụ những bữa ăn ngon mà còn (23) cung cấp cơ hội trải nghiệm sự thân thiện của người dân địa phương. Bây giờ, hãy nói về những địa điểm tham quan thú vị của New Zealand. Queenstown là một địa điểm không thể bỏ qua vì những ngọn núi tuyệt đẹp và những hoạt động thú vị như trượt tuyết và nhảy bungee. Rotorua là một nơi tuyệt vời khác để ghé thăm. Ở đó, bạn có thể tìm hiểu về văn hóa của người Maori, (24) người mà là người bản địa của New Zealand. Hãy nhớ mang theo (25) túi đeo hông; nó rất hữu ích để giữ những thứ quan trọng của bạn bên mình trong chuyến đi. Ngoài ra, đừng quên mang theo bộ chuyển đổi ổ cắm cho phích cắm vì New Zealand sử dụng (26) nhiều loại khác nhau.

Tôi hy vọng chuyến đi New Zealand của bạn sẽ có nhiều kỷ niệm mà bạn sẽ không bao giờ quên!



Chúc một ngày tốt lành,

Owen

### **Bài đọc hiểu**

There are many ways to learn English, and each has **its** own benefits and effectiveness.

One popular **method** is learning English online. There are a lot of websites, apps and online courses that are suitable for different language levels. You can learn to read, write and speak English through video lessons, practice exercises and even real-time conversations with native speakers. However, it is important to remember that the internet alone might not be enough to help you learn well and improve your English language skills. It is essential to support your online learning with other activities and resources.

Another good way is reading English books, newspapers or magazines. This activity can help you learn new words, improve your grammar and grasp sentence structure. You can start with materials that are right for your English level, then continue with more difficult texts.

You can also improve your English by listening to podcast music and watching movies. This will allow you to hear different accents and improve your listening skills.

Finally, think about taking an English language course if you can. In a classroom with an experienced instructor, you can get help, feedback and a chance to practice with other students.

### **Tam dịch**

*Có nhiều cách học tiếng Anh và mỗi cách đều có lợi ích và hiệu quả riêng.*

*Một phương pháp phổ biến là học tiếng Anh trực tuyến. Có rất nhiều trang web, ứng dụng và khóa học trực tuyến phù hợp với các trình độ ngôn ngữ khác nhau. Bạn có thể học đọc, viết và nói tiếng Anh thông qua các bài học video, bài tập thực hành và thậm chí cả các cuộc trò chuyện thời gian thực với người bản xứ. Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhớ là chỉ internet có thể không đủ để giúp bạn học tốt và cải thiện kỹ năng tiếng Anh của mình. Điều cần thiết là hỗ trợ việc học trực tuyến của bạn bằng các hoạt động và tài nguyên khác.*

*Một cách hay khác là đọc sách, báo hoặc tạp chí tiếng Anh. Hoạt động này có thể giúp bạn học từ mới, cải thiện ngữ pháp và nắm bắt cấu trúc câu. Bạn có thể bắt đầu với những tài liệu phù hợp với trình độ tiếng Anh của mình, sau đó tiếp tục với những văn bản khó hơn.*

*Bạn cũng có thể cải thiện tiếng Anh của mình bằng cách nghe nhạc podcast và xem phim. Điều này sẽ cho phép bạn nghe được các giọng khác nhau và cải thiện kỹ năng nghe của bạn.*

*Cuối cùng, hãy nghĩ đến việc tham gia một khóa học tiếng Anh nếu có thể. Trong lớp học với người hướng dẫn giàu kinh nghiệm, bạn có thể nhận được sự trợ giúp, phản hồi và cơ hội thực hành với các học viên khác.*

### **Phương pháp chung:**

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Đọc lướt qua các đoạn văn và dừng lại ở đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài đọc với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa và ngữ pháp để chọn đáp thích hợp nhất.

**27. B**

What is the best title for the text?

(Tiêu đề tốt nhất cho văn bản là gì?)

A. Online English

(Tiếng Anh trực tuyến)

B. Ways to Learn English

(Cách học tiếng Anh)

C. Reading Textbooks

(Đọc sách giáo khoa)

D. English Speakers' Talks

(Bài nói chuyện của người nói tiếng Anh)

**Thông tin:** There are many ways to learn English, and each has its own benefits and effectiveness.

(Có rất nhiều cách học tiếng Anh, mỗi cách đều có lợi ích và hiệu quả riêng.)

Chọn B

**28. A**

Which word has the CLOSEST meaning to the word **method** in paragraph 1?

(Từ nào có nghĩa GẦN NHẤT với từ "method" ở đoạn 1?)

A. way

(cách)

B. tool

(công cụ)

C. device

(thiết bị)

D. utensil

(dụng cụ)

**Thông tin:** One popular **method** is learning English online.

(Một phương pháp phổ biến là học tiếng Anh trực tuyến.)

Chọn A

**29. B**

What does the word **its** in paragraph 1 refer to?

(Từ "its" ở đoạn 1 đề cập đến điều gì?)

A. English

(tiếng Anh)

B. way to learn English

(cách học tiếng Anh)

C. benefit

(lợi ích)

D. effectiveness

(hiệu quả)

**Thông tin:** There are many ways to learn English, and each has **its** own benefits and effectiveness.

(Có rất nhiều cách học tiếng Anh, mỗi cách đều có lợi ích và hiệu quả riêng của nó.)

Chọn B

**30. B**

According to the text, which is NOT mentioned as a suggestion for learning English?

(Theo bài đọc, điều nào KHÔNG được đề cập như một gợi ý cho việc học tiếng Anh?)

A. reading English texts

(đọc văn bản tiếng Anh)

**Thông tin:** Another good way is reading English books, newspapers or magazines.

(Một cách hay khác là đọc sách, báo hoặc tạp chí tiếng Anh.)

B. traveling to another country => không có thông tin đề cập

(đi du lịch đến nước khác)

C. talking with native speakers

(nói chuyện với người bản xứ)

**Thông tin:** You can learn to read, write and speak English through video lessons, practice exercises and even real-time conversations with native speakers.

(Bạn có thể học đọc, viết và nói tiếng Anh thông qua các bài học video, bài tập thực hành và thậm chí cả các cuộc trò chuyện thời gian thực với người bản xứ.)

D. practicing through video lessons

(luyện tập thông qua bài học trên video)

**Thông tin:** You can learn to read, write and speak English through video lessons,

(Bạn có thể học đọc, viết và nói tiếng Anh qua các bài học video.)

Chọn B

**31. B**

In which paragraph does the writer mention reading as a way to improve English?

(Đoạn văn nào tác giả đề cập đến việc đọc như một cách để cải thiện tiếng Anh?)

A. Paragraph 1

(Đoạn 1)

B. Paragraph 2

(Đoạn 2)

C. Paragraph 3

(Đoạn 3)

D. Paragraph 4

(Đoạn 4)

**Thông tin:** Another good way is reading English books, newspapers or magazines.

*(Một cách hay khác là đọc sách, báo hoặc tạp chí tiếng Anh.)*

Chọn B

### 32. B

What is mentioned as an important aspect of learning English online?

*(Điều gì được đề cập như một khía cạnh quan trọng của việc học tiếng Anh trực tuyến?)*

A. Using only apps for quick results. => không có thông tin đề cập

*(Chỉ sử dụng ứng dụng để có kết quả nhanh chóng.)*

B. Practicing with native speakers through real-time conversations.

*(Thực hành với người bản ngữ thông qua các cuộc trò chuyện thực tế.)*

C. Avoiding video lessons to focus on written exercises. => không có thông tin đề cập

*(Tránh học video để tập trung vào bài tập viết.)*

D. Relying solely on the internet for complete language mastery. => sai

*(Chỉ dựa vào internet để hoàn toàn thông thạo ngôn ngữ.)*

**Thông tin:** However, it is important to remember that the internet alone might not be enough to help you learn well and improve your English language skills. It is essential to support your online learning with other activities and resources.

*(Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhớ là chỉ internet có thể không đủ để giúp bạn học tốt và cải thiện kỹ năng tiếng Anh của mình. Điều cần thiết là hỗ trợ việc học trực tuyến của bạn bằng các hoạt động và tài nguyên khác.)*

Chọn B

### 33. A

#### Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-d để hiểu được nghĩa của từng câu.

- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-d để tạo thành một đoạn văn hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

a. As a fragile ecosystem, it highlights the importance of conservation efforts to protect its beauty for future generations.

*(Là một hệ sinh thái mong manh, nó nhấn mạnh tầm quan trọng của những nỗ lực bảo tồn nhằm bảo vệ vẻ đẹp của nó cho các thế hệ tương lai.)*

b. This natural wonder offers breathtaking experiences such as snorkeling, diving, and glass-bottom boat tours.

*(Kỳ quan thiên nhiên này mang đến những trải nghiệm ngoạn mục như lặn với ống thở, lặn biển và tham quan bằng thuyền đáy kính.)*

c. Stretching over 2,300 kilometers, it is home to an astonishing variety of marine life, including vibrant corals, tropical fish, sea turtles, and sharks.

(Trái dài hơn 2.300 km, đây là nơi sinh sống của nhiều loài sinh vật biển đa dạng đáng kinh ngạc, bao gồm san hô rực rỡ, cá nhiệt đới, rùa biển và cá mập.)

d. The Great Barrier Reef, located off the coast of Queensland, Australia, is the world's largest coral reef system and a UNESCO World Heritage Site.

(Rạn san hô Great Barrier, nằm ngoài khơi bờ biển Queensland, Australia, là hệ thống rạn san hô lớn nhất thế giới và là Di sản Thế giới được UNESCO công nhận.)

### **Bài hoàn chỉnh**

(d) The Great Barrier Reef, located off the coast of Queensland, Australia, is the world's largest coral reef system and a UNESCO World Heritage Site. (c) Stretching over 2,300 kilometers, it is home to an astonishing variety of marine life, including vibrant corals, tropical fish, sea turtles, and sharks. (a) As a fragile ecosystem, it highlights the importance of conservation efforts to protect its beauty for future generations. (b) This natural wonder offers breathtaking experiences such as snorkeling, diving, and glass-bottom boat tours.

### **Tam dịch**

(d) Rạn san hô Great Barrier, nằm ngoài khơi bờ biển Queensland, Australia, là hệ thống rạn san hô lớn nhất thế giới và là Di sản Thế giới được UNESCO công nhận. (c) Trái dài hơn 2.300 km, đây là nơi sinh sống của nhiều loài sinh vật biển đa dạng đáng kinh ngạc, bao gồm san hô rực rỡ, cá nhiệt đới, rùa biển và cá mập.

(a) Là một hệ sinh thái mỏng manh, nó nhấn mạnh tầm quan trọng của những nỗ lực bảo tồn nhằm bảo vệ vẻ đẹp của nó cho các thế hệ tương lai. (b) Kỳ quan thiên nhiên này mang đến những trải nghiệm ngoạn mục như lặn với ống thở, lặn biển và tham quan bằng thuyền đáy kính.

Chọn A

### **34. C**

#### **Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-e để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-e để tạo thành một đoạn văn hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

Ban Gioc Waterfall is one of the most breathtaking natural wonders in Viet Nam.

(Thác Bản Giốc là một trong những kỳ quan thiên nhiên ngoạn mục nhất ở Việt Nam.)

a. I recently went to Ban Gioc Waterfall, and it was an unforgettable experience.

(Gần đây tôi đã đến thác Bản Giốc và đó là một trải nghiệm khó quên.)

b. The sound of the water rushing down was powerful and soothing at the same time.

(Âm thanh của dòng nước chảy xuống vừa mạnh mẽ vừa êm dịu.)

c. The surrounding landscape with its lush greenery made it even more beautiful.

(Cảnh quan xung quanh với cây xanh tươi tốt khiến nó càng trở nên đẹp hơn.)

d. I think everyone should visit Ban Gioc Waterfall at least once in their lifetime.

(Tôi nghĩ mọi người nên ghé thăm thác Bản Giốc ít nhất một lần trong đời.)

e. This amazing destination is perfect for nature lovers and adventure seekers.

(Điểm đến tuyệt vời này là nơi hoàn hảo cho những người yêu thiên nhiên và những người tìm kiếm sự phiêu lưu.)

### **Bài hoàn chỉnh**

Ban Gioc Waterfall is one of the most breathtaking natural wonders in Viet Nam. **(a)** I recently went to Ban Gioc Waterfall, and it was an unforgettable experience. **(b)** The sound of the water rushing down was powerful and soothing at the same time. **(c)** The surrounding landscape with its lush greenery made it even more beautiful. **(d)** I think everyone should visit Ban Gioc Waterfall at least once in their lifetime. **(e)** This amazing destination is perfect for nature lovers and adventure seekers.

### **Tam dịch**

*Thác Bản Giốc là một trong những kỳ quan thiên nhiên ngoạn mục nhất ở Việt Nam. (a) Gần đây tôi đã đến thác Bản Giốc và đó là một trải nghiệm khó quên. (b) Âm thanh của dòng nước đổ xuống vừa mạnh mẽ vừa êm dịu. (c) Cảnh quan xung quanh với cây xanh tươi tốt khiến nó càng đẹp hơn. (d) Tôi nghĩ mọi người nên ghé thăm thác Bản Giốc ít nhất một lần trong đời. (e) Điểm đến tuyệt vời này là nơi hoàn hảo cho những người yêu thiên nhiên và tìm kiếm sự phiêu lưu.*

Chọn C

### **35. C**

#### **Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-e để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-e để tạo thành một đoạn văn hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

English is one of the most widely spoken languages around the world.

*(Tiếng Anh là một trong những ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới.)*

a. In Singapore and India, English has blended with local languages, creating unique versions of English, such as Singlish and Indian English.

*(Ở Singapore và Ấn Độ, tiếng Anh đã hòa trộn với các ngôn ngữ địa phương, tạo ra những phiên bản tiếng Anh độc đáo, chẳng hạn như tiếng Anh – Singapore và tiếng Anh - Ấn Độ.)*

b. Additionally, each version of English has its vocabulary, accent, and even grammar rules.

*(Ngoài ra, mỗi phiên bản tiếng Anh đều có quy tắc từ vựng, giọng điệu và thậm chí cả ngữ pháp.)*

c. This process of adaptation helps English become a reflection of diverse cultures and perspectives.

*(Quá trình thích ứng này giúp tiếng Anh trở thành sự phản ánh của các nền văn hóa và quan điểm đa dạng.)*

d. Not only is English spoken in English-speaking countries, but it is also a second or official language in over 75 countries.

*(Tiếng Anh không chỉ được sử dụng ở các quốc gia nói tiếng Anh mà còn là ngôn ngữ thứ hai hoặc ngôn ngữ chính thức ở hơn 75 quốc gia.)*

e. As a global language, English continues to evolve as it adapts to different cultures and societies.

*(Là một ngôn ngữ toàn cầu, tiếng Anh tiếp tục phát triển khi nó thích nghi với các nền văn hóa và xã hội khác nhau.)*

### **Bài hoàn chỉnh**

English is one of the most widely spoken languages around the world. **(d)** Not only is English spoken in English-speaking countries, but it is also a second or official language in over 75 countries. **(a)** In Singapore and India, English has blended with local languages, creating unique versions of English, such as Singlish and Indian English. **(b)** Additionally, each version of English has its vocabulary, accent, and even grammar rules. **(c)** This process of adaptation helps English become a reflection of diverse cultures and perspectives. **(e)** As a global language, English continues to evolve as it adapts to different cultures and societies.

### **Tam dịch**

*Tiếng Anh là một trong những ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. (d) Tiếng Anh không chỉ được sử dụng ở các quốc gia nói tiếng Anh mà còn là ngôn ngữ thứ hai hoặc ngôn ngữ chính thức ở hơn 75 quốc gia. (a) Ở Singapore và Ấn Độ, tiếng Anh đã hòa trộn với các ngôn ngữ địa phương, tạo ra những phiên bản tiếng Anh độc đáo, chẳng hạn như tiếng Anh - Singapore và tiếng Anh - Ấn Độ. (b) Ngoài ra, mỗi phiên bản tiếng Anh đều có quy tắc từ vựng, giọng điệu và thậm chí cả ngữ pháp. (c) Quá trình thích ứng này giúp tiếng Anh trở thành sự phản ánh của các nền văn hóa và quan điểm đa dạng. (e) Là ngôn ngữ toàn cầu, tiếng Anh tiếp tục phát triển khi nó thích ứng với các nền văn hóa và xã hội khác nhau.*

Chọn C

### **36. A**

#### **Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-d để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-d để tạo thành một lá thư hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

Dear Minh,

I hope you are doing well! I am very happy because I have got mark 10 for my first midterm English test.

Therefore, I want to share with you how I can improve my English.

*(Minh thân mến,*

*Tôi hy vọng bạn vẫn khỏe! Tôi rất vui vì đã đạt được điểm 10 trong bài kiểm tra tiếng Anh giữa kỳ đầu tiên.*

*Vì vậy, tôi muốn chia sẻ với bạn cách tôi có thể cải thiện tiếng Anh của mình.)*

a. Additionally, don't be afraid of making mistakes because they are part of the learning process.

*(Ngoài ra, đừng sợ mắc lỗi vì chúng là một phần của quá trình học tập.)*

b. I understand that learning English can be challenging at times, especially when it comes to new vocabulary and grammar.

*(Tôi hiểu rằng việc học tiếng Anh đôi khi có thể gặp khó khăn, đặc biệt là khi nói đến những từ mới. từ vựng và ngữ pháp.)*

c. One helpful tip is reading English books or watching shows with subtitles.

*(Một mẹo hữu ích là đọc sách tiếng Anh hoặc xem các chương trình có phụ đề.)*

d. Finally, remember that practice makes perfect.

*(Cuối cùng, hãy nhớ rằng luyện tập sẽ tạo nên sự hoàn hảo.)*

I look forward to hearing about your progress.

Best regards,

Hai Anh

*(Tôi mong muốn được nghe về sự tiến bộ của bạn.*

*Trân trọng,*

*Hải Anh)*

### **Bài hoàn chỉnh**

Dear Minh,

I hope you are doing well! I am very happy because I have got mark 10 for my first midterm English test.

Therefore, I want to share with you how I can improve my English.

**(b)** I understand that learning English can be challenging at times, especially when it comes to new vocabulary and grammar. **(c)** One helpful tip is reading English books or watching shows with subtitles. **(d)** Finally, remember that practice makes perfect. **(a)** Additionally, don't be afraid of making mistakes because they are part of the learning process.

I look forward to hearing about your progress.

Best regards,

Hai Anh

### **Tạm dịch**

*Minh thân mến,*

*Tôi hy vọng bạn vẫn khỏe! Tôi rất vui vì đã đạt được điểm 10 trong bài kiểm tra tiếng Anh giữa kỳ đầu tiên.*

*Vì vậy, tôi muốn chia sẻ với bạn cách tôi có thể cải thiện tiếng Anh của mình.*

*(b) Tôi hiểu rằng việc học tiếng Anh đôi khi có thể gặp khó khăn, đặc biệt là khi nói đến những từ mới.*

*từ vựng và ngữ pháp. (c) Một mẹo hữu ích là đọc sách tiếng Anh hoặc xem các chương trình có phụ đề. (d)*

*Cuối cùng, hãy nhớ rằng luyện tập sẽ tạo nên sự hoàn hảo. (a) Ngoài ra, đừng sợ mắc lỗi vì chúng là một phần của quá trình học tập.*

*Tôi mong muốn được nghe về sự tiến bộ của bạn.*

*Trân trọng,*

*Hải Anh*

Chọn A

### **37. A**

#### **Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-e để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-e để tạo thành một lá thư hợp lý và có nghĩa.



\*Nghĩa của các câu

Dear Lucy,

I hope you're doing well!

*(Lucy thân mến,*

*Tôi hy vọng bạn vẫn khỏe!)*

a. Starting from the ground, I admired its stunning architecture before taking the elevator to the second level, where the views of Paris were absolutely breathtaking.

*(Bắt đầu từ mặt đất, tôi chiêm ngưỡng kiến trúc tuyệt đẹp của nó trước khi đi thang máy lên tầng hai, nơi có khung cảnh Paris vô cùng ngoạn mục.)*

b. I just had the most incredible experience visiting the Eiffel Tower.

*(Tôi vừa có trải nghiệm tuyệt vời nhất khi đến thăm Tháp Eiffel.)*

c. On the top level, the panoramic sights were unforgettable, and I even spotted landmarks like the Seine and Sacré-Cœur.

*(Ở tầng cao nhất, những khung cảnh toàn cảnh thật khó quên và tôi thậm chí còn nhìn thấy những địa danh như sông Seine và Sacré-Cœur.)*

d. It was truly a day to remember!

*(Đó thực sự là một ngày đáng nhớ!)*

e. To top it all off, I enjoyed a delicious treat at the café while soaking in the magical atmosphere.

*(Trên hết, tôi vừa thưởng thức một món ngon tại quán cà phê vừa đắm mình trong bầu không khí huyền diệu.)*

Warm regards,

Shmily

*(Kính thư*

*Shmily)*

### **Bài hoàn chỉnh**

Dear Lucy,

I hope you're doing well!

**(b)** I just had the most incredible experience visiting the Eiffel Tower. **(b)** Starting from the ground, I admired its stunning architecture before taking the elevator to the second level, where the views of Paris were absolutely breathtaking. **(c)** On the top level, the panoramic sights were unforgettable, and I even spotted landmarks like the Seine and Sacré-Cœur. **(e)** To top it all off, I enjoyed a delicious treat at the café while soaking in the magical atmosphere. **(d)** It was truly a day to remember!

Warm regards,

Shmily

### **Tam dịch**

*Lucy thân mến,*

Tôi hy vọng bạn vẫn khỏe!

(b) Tôi vừa có trải nghiệm tuyệt vời nhất khi đến thăm Tháp Eiffel. (b) Bắt đầu từ mặt đất, tôi chiêm ngưỡng kiến trúc tuyệt đẹp của nó trước khi đi thang máy lên tầng hai, nơi có khung cảnh Paris vô cùng ngoạn mục.

(c) Ở tầng cao nhất, những khung cảnh toàn cảnh thật khó quên và tôi thậm chí còn nhìn thấy những địa danh như sông Seine và Sacré-Cœur. (e) Trên hết, tôi đã thưởng thức một món ngon tại quán cà phê trong khi đắm mình trong bầu không khí huyền ảo. (d) Đó thực sự là một ngày đáng nhớ!

Kính thư,

Shmily

Chọn A

### 38. B

#### Phương pháp:

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-e để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-e để tạo thành một lá thư hợp lý và có nghĩa.

#### Giải thích:

\*Nghĩa của các câu

Dear Dad and Mom,

What are you doing now? I just had the most amazing adventure exploring the rainforest.

(Kính gửi Ba và Mẹ,

Ba mẹ đang làm gì vậy? Con vừa có một cuộc phiêu lưu tuyệt vời khi khám phá rừng mưa nhiệt đới.)

a. I saw colorful birds, playful monkeys, and even a waterfall hidden deep in the forest.

(Con đã thấy những chú chim đầy màu sắc, những con khỉ vui vẻ, và thậm chí là một thác nước ẩn sâu trong rừng.)

b. I can't wait to tell you more and share the photos when I'm back!

(Con không thể chờ thêm để kể thêm nhiều điều nữa và chia sẻ những bức ảnh khi trở về!)

c. The lush greenery, towering trees, and vibrant wildlife made it feel like stepping into another world.

(Cảnh vật xung quanh xanh tươi, những cây cao vươn lên và động vật hoang dã rục rờ khiến con cảm giác như đang bước vào một thế giới khác.)

d. The air was so fresh, and the sounds of nature were incredibly peaceful.

(Không khí thật trong lành, và âm thanh của thiên nhiên thật bình yên.)

e. It was a bit challenging trekking through the trails, but the experience was worth every step.

(Tuy việc đi bộ trên những con đường mòn có chút khó khăn, nhưng trải nghiệm này xứng đáng với mỗi bước đi.)

Miss you all!

Love,

Emma

(Nhớ ba mẹ nhiều!

Yêu ba mẹ,

Emma)

### **Bài hoàn chỉnh**

Dear Dad and Mom,

What are you doing now? I just had the most amazing adventure exploring the rainforest.

(c) The lush greenery, towering trees, and vibrant wildlife made it feel like stepping into another world. (a) I saw colorful birds, playful monkeys, and even a waterfall hidden deep in the forest. (d) The air was so fresh, and the sounds of nature were incredibly peaceful. (e) It was a bit challenging trekking through the trails, but the experience was worth every step. (b) I can't wait to tell you more and share the photos when I'm back!

Miss you all!

Love,

Emma

### **Tạm dịch**

Kính gửi Ba và Mẹ,

Ba mẹ đang làm gì vậy? Con vừa có một cuộc phiêu lưu tuyệt vời khi khám phá rừng mưa nhiệt đới.

(c) Cảnh vật xung quanh xanh tươi, những cây cao vươn lên và động vật hoang dã rục rờ khiến con cảm giác như đang bước vào một thế giới khác. (a) Con đã thấy những chú chim đầy màu sắc, những con khỉ vui vẻ, và thậm chí là một thác nước ẩn sâu trong rừng. (d) Không khí thật trong lành, và âm thanh của thiên nhiên thật bình yên. (e) Tuy việc đi bộ trên những con đường mòn có chút khó khăn, nhưng trải nghiệm này xứng đáng với mỗi bước đi. (b) Con không thể chờ thêm để kể thêm nhiều điều nữa và chia sẻ những bức ảnh khi con về!

Nhớ ba mẹ nhiều!

Yêu ba mẹ,

Emma

Chọn B

### **39. A**

#### **Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-c để hiểu được nghĩa của từng câu.
- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-c để tạo thành một đoạn hội thoại hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

a. Alex: That's amazing! Maybe we can practice together sometime?

(Alex: Thật tuyệt vời! Có lẽ chúng ta có thể luyện tập cùng nhau vào lúc nào đó không?)

b. Alex: Hey Mia, I've noticed your English has improved so much lately!

(Alex: Này Mia, tôi nhận thấy tiếng Anh của bạn gần đây đã tiến bộ rất nhiều!)

c. Mia: Thanks, Alex! I've been practicing every day - watching English shows, reading books, and speaking with native speakers online.

(Mia: Cảm ơn, Alex! Tôi đã luyện tập hàng ngày - xem các chương trình tiếng Anh, đọc sách và nói chuyện trực tuyến với người bản xứ.)

### **Bài hoàn chỉnh**

(b) Alex: Hey Mia, I've noticed your English has improved so much lately!

(c) Mia: Thanks, Alex! I've been practicing every day - watching English shows, reading books, and speaking with native speakers online.

(a) Alex: That's amazing! Maybe we can practice together sometime?

### **Tam dịch**

(b) Alex: Này Mia, tôi nhận thấy tiếng Anh của bạn gần đây đã tiến bộ rất nhiều!

(c) Mia: Cảm ơn, Alex! Tôi đã luyện tập hàng ngày - xem các chương trình tiếng Anh, đọc sách và nói chuyện trực tuyến với người bản xứ.

(a) Alex: Thật tuyệt vời! Có lẽ chúng ta có thể luyện tập cùng nhau vào lúc nào đó không?

Chọn A

### **40. A**

#### **Phương pháp:**

- Dịch nghĩa các câu đề bài từ a-d để hiểu được nghĩa của từng câu.

- Lần lượt sắp xếp trật tự các câu a-d để tạo thành một đoạn hội thoại hợp lý và có nghĩa.

\*Nghĩa của các câu

a. Liam: Absolutely! I can't wait to visit Seoul and explore the palaces and street markets. What about you?

(Liam: Chắc chắn rồi! Tôi nóng lòng muốn đến thăm Seoul và khám phá các cung điện và chợ đường phố. Còn bạn thì sao?)

b. Emma: Same here! I'm also looking forward to shopping in Myeongdong and maybe catching a K-pop concert if we can.

(Emma: Tôi cũng vậy! Tôi cũng mong được đi mua sắm ở Myeongdong và có thể xem một buổi hòa nhạc K-pop nếu có thể.)

c. Emma: Hey Liam, have you started planning what you want to do in Korea?

(Emma: Này Liam, bạn đã bắt đầu lên kế hoạch cho những việc mình muốn làm ở Hàn Quốc chưa?)

d. Liam: That sounds perfect! Let's make a list and plan everything out so we don't miss a thing.

(Liam: Nghe có vẻ hoàn hảo! Hãy lập một danh sách và lên kế hoạch cho mọi thứ để chúng ta không bỏ lỡ điều gì.)

### **Bài hoàn chỉnh**

(c) Emma: Hey Liam, have you started planning what you want to do in Korea?

(a) Liam: Absolutely! I can't wait to visit Seoul and explore the palaces and street markets. What about you?

(b) Emma: Same here! I'm also looking forward to shopping in Myeongdong and maybe catching a K-pop concert if we can.

(d) Liam: That sounds perfect! Let's make a list and plan everything out so we don't miss a thing.

**Tam dịch**

(c) Emma: *Này Liam, bạn đã bắt đầu lên kế hoạch cho những gì bạn muốn làm ở Hàn Quốc chưa?*

(a) Liam: *Chắc chắn rồi! Tôi nóng lòng muốn đến thăm Seoul và khám phá các cung điện và chợ đường phố. Còn bạn thì sao?*

(b) Emma: *Tôi cũng vậy! Tôi cũng mong được đi mua sắm ở Myeongdong và có thể xem một buổi hòa nhạc K-pop nếu có thể.*

(d) Liam: *Nghe thật hoàn hảo! Hãy lập một danh sách và lên kế hoạch cho mọi thứ để chúng ta không bỏ lỡ điều gì.*

Chọn A